

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 3- 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tú Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Khêm**

2. Ông **Nguyễn Văn Bé**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 416/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02/10/2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 26/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Châu P**, sinh năm 1985, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Duy H**, sinh năm 1982, vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ngân hàng M – Chi nhánh huyện T**; Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện cho Ngân hàng: Ông **Ngô Ngọc D** – Giám đốc, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1959, có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Cư trú tại: Ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Châu P trình bày:

Về hôn nhân: Vào ngày 29/3/2004, chị và anh Huỳnh Duy H có xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng chị có 02 đứa con chung tên Huỳnh Ngọc Như L, sinh ngày 06/8/2005 hiện đang sống với anh H; Huỳnh Đăng Q, sinh ngày 10/12/2012, đang sống chung với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng chị tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh H tính tình khó khăn, đi làm có tiền không có cho chị để lo cho các con, chị thì ở nhà làm dâu và lo cho các con ăn học. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai và cũng không tìm cơ hội hàn gắn đoàn tụ. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và mời các bên lên hòa giải cho đến hôm nay thì chị, anh H cũng ai tìm đến ai hay cho nhau cơ hội để hai vợ chồng đoàn tụ nên tình cảm vợ chồng đã không còn, nếu tiếp tục sống chung cũng không còn hạnh phúc.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không có thiếu nợ ai, anh H trình bày chị có nợ của mẹ chồng là bà Nguyễn Thị N số tiền 20.000.000 đồng và nợ Ngân hàng M chi nhánh huyện T số tiền 60.000.000 đồng trong số tiền anh H vay 200.000.000 đồng là hoàn toàn không có và không đồng ý trả theo yêu cầu của anh H.

Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Duy H.
- Về con chung: Chị yêu cầu anh H giao con chung tên Huỳnh Ngọc Như L, sinh ngày 06/8/2005 cho chị nuôi dưỡng và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Đăng Q, sinh ngày 10/12/2012 và chị yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.
- Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn chị Ngô Thị Châu P yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Duy H trình bày:

Anh Huỳnh Duy H thống nhất với chị Ngô Thị Châu P về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân, thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung như chị P trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh H thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng thì tính tình hai bên không hợp nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nếu có tiếp tục sống chung cũng không còn hạnh phúc. Anh H đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị Châu P.

- Về con chung: Anh H tôn trọng nguyện vọng của con chung tên Huỳnh Ngọc Như L, sinh ngày 06/8/2005 là sống chung với Châu P thì anh cũng đồng ý.

Đối với con chung Huỳnh Đăng Q, sinh ngày 10/12/2012, anh đồng ý cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh đã tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Ngô Thị Châu P có nợ mẹ ruột anh là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp K, xã Phú Cần, huyện T, tỉnh Trà Vinh số tiền 20.000.000 đồng, anh yêu cầu vợ anh trả nợ cho mẹ anh. Vào ngày 08/8/2016, anh có ký vay vốn tại Ngân hàng M - Chi nhánh huyện T với số tiền 200.000.000 đồng, chị P có sử dụng 60.000.000 đồng nhưng anh không có gì chứng minh, số tiền còn lại anh sử dụng để trang trải chi phí trong gia đình. Các khoản nợ này là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân, anh vay để sử dụng chung cho mục đích gia đình nên theo Luật hôn nhân gia đình đối với nợ chung thì chị Châu P có trách nhiệm trả nợ cho mẹ anh 20.000.000 đồng và trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án con chung Huỳnh Ngọc Như L có ý kiến: Em là con chung của bà Ngô Thị Châu P và ông Huỳnh Duy H. Nếu cha mẹ ly hôn em có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Ngô Thị Châu P.

Trong quá trình giải quyết vụ án con chung Huỳnh Đăng Q có ý kiến: Em là con chung của bà Ngô Thị Châu P và ông Huỳnh Duy H. Nếu cha mẹ ly hôn em có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Ngô Thị Châu P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Huỳnh Duy H và là mẹ chồng của chị Ngô Thị Châu P. Trong thời kỳ hôn nhân của anh H, chị P thì chị P có vay riêng của bà số tiền 20.000.000 đồng, không có giấy tờ. Nay P và H tranh chấp ly hôn, trong vụ án này bà không có khởi kiện yêu cầu độc lập buộc chị P có trách nhiệm trả nợ. Sau này chị P không trả được nợ cho bà thì bà sẽ khởi kiện một vụ án khác. Bà N yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng M – Chi nhánh huyện T do ông Ngô Ngọc D làm đại diện có ý kiến trình bày:

Vào ngày 08/8/2016, Ngân hàng M – Chi nhánh huyện T có cho anh Huỳnh Duy H vay số tiền 200.000.000 đồng, chưa đến hạn trả. Trong vụ án này, Ngân hàng không có khởi kiện yêu cầu độc lập để yêu cầu anh H có trách nhiệm trả nợ. Nếu sau này anh H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Châu P và anh Huỳnh Duy H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Huỳnh Duy H đồng ý giao con chung tên Huỳnh Ngọc Như L, sinh ngày 06/8/2005 cho chị P nuôi dưỡng và chị P được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Đăng Q, sinh ngày 10/12/2012; Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Châu P và anh H tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Về nợ chung: Anh H yêu cầu chị P có nghĩa vụ trả nợ bà Nguyễn Thị N số tiền 20.000.000 đồng, trả cho Ngân hàng M - Chi nhánh huyện T số tiền 100.000.000 đồng trong số tiền anh đã vay của Ngân hàng bằng 200.000.000 đồng. Chị P không đồng ý có nợ và không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Bị đơn anh Huỳnh Duy H cư trú tại ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị Châu P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và Ngân hàng M- Chi nhánh huyện T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Huỳnh Duy H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh H, bà N và Ngân hàng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Châu P và anh Huỳnh Duy H kết hôn với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật. Xét thấy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Tuy nhiên trong thời gian sống chung vợ chồng anh chị có những mâu thuẫn không thể điều hoà được dẫn đến việc chị P xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P xác định giữa chị và anh H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng hàn gắn, người nào chỉ biết bốn phận của người đó, bỏ mặc nhau, ai muốn sống ra sao thì sống. Bị đơn anh Huỳnh Duy H cũng đồng ý ly hôn với chị P nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Ngô Thị Châu P và anh Huỳnh Duy P.

[4] Về con chung: Anh Huỳnh Duy H đồng ý giao cho chị Ngô Thị Châu P được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Như L, sinh ngày 06/8/2005 và chị Ngô Thị Châu P được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Đăng Q, sinh ngày 10/12/2012 là phù hợp với nguyện vọng của các con chung muốn sống chung với chị P. Anh Huỳnh Duy H đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị P và anh H.

[5] Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Châu P và anh Huỳnh Duy H thống nhất đã tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Huỳnh Duy H yêu cầu chị Ngô Thị Châu P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 20.000.000 đồng và trả cho Ngân hàng M – Chi nhánh huyện T số tiền 100.000.000 đồng trong số tiền 200.000.000 đồng anh H đã vay. Ngân hàng M – Chi nhánh huyện T, bà Nguyễn Thị N không có khởi kiện yêu cầu độc lập để yêu cầu chị P, H có nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Châu P và anh Huỳnh Duy H.

2. Về con chung: Ghi nhận nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Huỳnh Duy Phương đồng ý giao cho chị Ngô Thị Châu P được nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Ngọc Như L, sinh ngày 06/8/2005 và chị Ngô Thị Châu P được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Đăng Q, sinh ngày 10/12/2012 là phù hợp với nguyện vọng của các con chung muốn sống chung với chị Ngô Thị Châu P.

Anh Huỳnh Duy H đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 03/3/2020.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Châu P và anh Huỳnh Duy H thống nhất đã tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Huỳnh Duy H yêu cầu chị Ngô Thị Châu P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 20.000.000 đồng và trả cho Ngân hàng M – Chi nhánh huyện T số tiền 100.000.000 đồng trong số tiền 200.000.000 đồng anh H đã

vay Ngân hàng M– Chi nhánh huyện T, bà Nguyễn Thị N không có khởi kiện yêu cầu độc lập để yêu cầu chị P, anh H có nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Ngô Thị Châu P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân) nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006369, ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Ngô Thị Châu P đã nộp đủ án phí. Anh Huỳnh Duy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh

